

BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CÁO QUA VIỆC HOÀN THIỆN CHỨC NĂNG BÀO CHỮA TRONG PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

NGUYỄN ANH HOÀNG*
TĂNG VĂN HOÀNG**

Bài viết đã làm rõ những vấn đề lý luận về chức năng bào chữa; phân tích thực tiễn thực trạng chức năng bào chữa trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, tìm ra nguyên nhân của những hạn chế của quá trình này và đề ra những giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện chức năng bào chữa trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: Hoàn thiện chức năng bào chữa; xét xử sơ thẩm; vụ án hình sự; bảo đảm quyền con người; bị cáo; phiên tòa.

The article aims to clarify the theoretical issues of the defense function, analyze the actual situation of the defense function in the first-instance trial of criminal cases, discover the causes of some limitations in this process, and propose solutions to ensure the performance of the defense function in the first-instance trial of criminal cases in Vietnam.

Keywords: Perfecting the defense function; first-instance trial; criminal cases; ensuring human rights; defendants; trials.

NGÀY NHẬN: 06/10/2023 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 12/11/2023 NGÀY DUYỆT: 15/12/2023

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.335.2023.712>

1. Đặt vấn đề

Quyền con người là những giá trị cao đẹp mà nhân loại đã và đang hướng tới, vì vậy, việc bảo đảm quyền con người sẽ là mục tiêu chung của mọi nhà nước pháp quyền hiện nay. Quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một phạm trù nhỏ nhưng rất quan trọng trong tổng thể quyền con người nói chung, trong phạm vi quyền con người của bị cáo trong xét xử vụ án hình sự thì quyền được bào chữa là quyền được chia nhỏ hơn trong quyền con người. Để bảo đảm thực hiện tốt nhất quyền bào chữa của

bị cáo trong xét xử vụ án hình sự, trước tiên cần hoàn thiện chức năng bào chữa, vì đây sẽ là tiền đề để thực hiện quyền bào chữa của bị cáo nói riêng và quyền con người của bị cáo nói chung.

2. Một số vấn đề lý luận về chức năng bào chữa trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Về khái niệm chức năng bào chữa: hiện nay, có thể hiểu “Chức năng bào chữa là một dạng hoạt động tố tụng được pháp luật bảo

* NCS, Trường Đại học Luật Hà Nội

** NCS, Trường Đại học Luật Hà Nội

đảm bảo cho người bị buộc tội khả năng bằng cách tự mình hoặc nhờ người khác đưa ra chứng cứ và lập luận, không chỉ bác bỏ sự buộc tội hoặc làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà còn thực hiện những gì có lợi cho người bị buộc tội trong quá trình tố tụng”¹. Với tiếp cận từ khái niệm trên khi đặt trong giai đoạn xét xử được định nghĩa là: “Chức năng bào chữa trong giai đoạn xét xử là một dạng hoạt động tố tụng diễn ra trong hoạt động xét xử tại Tòa án được pháp luật bảo đảm cho chủ thể bị buộc tội (bị cáo) tự mình hoặc nhờ người khác đưa ra chứng cứ và lập luận, nhằm bác bỏ sự buộc tội hoặc làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hay thực hiện những gì có lợi cho chủ thể bị buộc tội trong quá trình xét xử”.

Về phạm vi của chức năng bào chữa: hiện vẫn còn nhiều quan điểm chưa thống nhất. Tuy nhiên, căn cứ theo *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015, chức năng bào chữa trong tố tụng hình sự xuất hiện ngay từ khi một người bị bắt hoặc bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đến kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật. Còn trong giai đoạn xét xử thì phạm vi của chức năng bào chữa sẽ bắt đầu từ khi Tòa án có thẩm quyền nhận hồ sơ và bản cáo trạng do Viện Kiểm sát chuyển sang và vào sổ thụ lý vụ án của Tòa án và kết thúc khi bản án và quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về hình thức thực hiện chức năng bào chữa: đây là 2 chủ thể có thể được thực hiện độc lập hoặc đồng thời và được thực hiện thông qua hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp như: tự thực hiện chức năng bào chữa (do chính bị cáo thực hiện) hoặc thực hiện thông qua sự giúp đỡ của người bào chữa (nhờ người bào chữa hoặc bào chữa theo chỉ định).

3. Thực tiễn thực hiện và nguyên nhân của những hạn chế trong thực hiện chức năng bào chữa trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

a. Thực tiễn thực hiện chức năng bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Tại các phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cho thấy, sự có mặt của người bào chữa luôn có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả

của phiên xử, đa phần các vụ án có người bào chữa thì người bào chữa sẽ dùng các kỹ năng nghề nghiệp của mình và các quyền năng đã được quy định trong *Bộ luật Tố tụng hình sự* giúp bị cáo chứng minh được hành vi không phạm tội hay giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Theo kết quả khảo sát năm 2016 của Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, trong tổng số 188 bị cáo khi được hỏi về kết quả của phiên tòa hình sự sơ thẩm so với nội dung bản cáo trạng, bản luận tội của Viện Kiểm sát thì bản án của Tòa án thay đổi theo các hướng với tỷ lệ như sau: tuyên phù hợp với đề nghị của Viện Kiểm sát (59,1%); tuyên giảm mức hình phạt so với đề nghị của Viện Kiểm sát (27,6%); tuyên tội danh nhẹ hơn tội danh mà Viện Kiểm sát truy tố (11,7%). Trong đó, đối với những vụ án mà bị cáo có người bào chữa thì tỷ lệ các hướng giảm nhẹ, có lợi cho bị cáo trong bản án của Tòa án so với cáo trạng của Viện Kiểm sát thường cao hơn so với tỷ lệ tương ứng trong vụ án mà bị cáo không có người bào chữa². Điều này cho thấy vai trò của người bào chữa trong quá trình tham gia giải quyết vụ án hình sự. Nhiều người bào chữa đã đưa ra được những tài liệu, chứng cứ bào chữa, lập luận chặt chẽ và đưa ra được nhiều chứng cứ có tính thuyết phục cao giúp loại trừ hoặc làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Sau khi *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 có hiệu lực thi hành, việc tham gia tố tụng của bị cáo và người bào chữa cho họ ngày càng hiệu quả và chất lượng hơn. Tại phiên tòa, các thẩm phán điều hành thủ tục xét xử đúng với tinh thần cải cách tư pháp, bị cáo, người bào chữa được tôn trọng, tạo điều kiện để thực hiện quyền bào chữa. Tòa án cũng bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc tranh tụng, do đó, chất lượng bào chữa ngày càng được nâng lên.

Bên cạnh những mặt tích cực trong việc thực hiện chức năng bào chữa, vẫn còn một số ít người bào chữa chưa có sự chuẩn bị kỹ lưỡng luận cứ bào chữa để sử dụng tại tòa nên

còn lúng túng trong việc trình bày quan điểm pháp lý và khi viện dẫn các chứng cứ có lợi cho thân chủ; một số người bào chữa không thực hiện hoặc thực hiện sơ sài phần tranh luận, đối đáp và đề dãi đồng ý hoàn toàn với việc buộc tội của đại diện Viện Kiểm sát. Hiện nay, số lượng và chất lượng đội ngũ luật sư còn thiếu và chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội, tỷ lệ luật sư của Việt Nam vẫn còn quá ít... Năm 2018, có 59/63 đoàn luật sư, đội ngũ luật sư Việt Nam tham gia 12.450 vụ án hình sự, trong đó có 7.395 vụ án hình sự chỉ định và 5.055 vụ án hình sự được khách hàng mời. Trong khi đó, năm 2018 Tòa án đã xét xử 61.669/66.994 vụ mà Tòa án đã thụ lý (xét xử 103.574/114.649 bị cáo Tòa án đã thụ lý). Điều này cho thấy vẫn còn một số lượng lớn bị cáo chưa được thực hiện quyền bào chữa để bảo đảm được xét xử công bằng³.

b. Nguyên nhân của những hạn chế

Một là, từ phía người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng.

(1) Về hội đồng xét xử tại phiên tòa. Trong không ít phiên tòa, hội đồng xét xử đôi khi còn mang nặng lối tư duy cho rằng bị cáo là người có tội nên thường có những nhìn nhận thiên về các chứng cứ buộc tội hơn là các chứng cứ gỡ tội được bên bào chữa đưa ra, do đó rất khó để người bào chữa thuyết phục hội đồng xét xử. Tâm lý “trọng cung hơn trọng chứng” vẫn còn tồn tại ở một số thẩm phán, hội thẩm nên hội đồng xét xử vẫn chưa thực sự chú ý đến những tình tiết, chứng cứ mới của vụ án được thể hiện qua phần tranh luận. Vì vậy, những lời khai tại phiên tòa, các tình tiết quan trọng và chứng cứ gỡ tội mà người bào chữa đưa ra thường ít được hội đồng xét xử quan tâm xem xét, chấp nhận và ít được đề cập đến trong bản án⁴.

(2) Về phía kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa. Kiểm sát viên trong phiên tòa xét xử thường chỉ quan tâm đến việc buộc tội và dựa nhiều vào hồ sơ để bảo vệ cho cáo trạng truy tố mà chưa chú trọng đến các chứng cứ gỡ tội hoặc tranh luận tới cùng để làm rõ các chứng cứ chứng minh sự vô tội của

bị cáo. Việc kiểm sát viên ít thực hiện tranh luận tới cùng cũng làm hạn chế chức năng bào chữa của người bào chữa, bởi lẽ hoạt động bào chữa xuất phát từ các căn cứ và lập luận của bên buộc tội.

(3) Về phía người tham gia bào chữa tại phiên tòa. Còn trường hợp chưa tập trung làm rõ chứng cứ có lợi cho thân chủ, thiếu trách nhiệm trong việc đưa ra chứng cứ để khẳng định bị cáo vô tội hoặc chỉ thực hiện bào chữa bằng việc chỉ ra các thành tích và nhân thân liên quan của bị cáo để nhằm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho họ, đặc biệt là các vụ án mà người bào chữa được chỉ định tham gia bào chữa.

Hai là, từ phía các quy định của pháp luật.

(1) Về trách nhiệm thông báo cho người bào chữa. Việc người bào chữa được biết và tham gia các hoạt động tố tụng là yếu tố rất quan trọng để người bào chữa thực quyền bào chữa của họ. Khoản 1 Điều 79 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 quy định: “Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải báo trước một thời gian hợp lý cho người bào chữa”. Tuy nhiên, thế nào là “thời gian hợp lý” thì *Bộ luật Tố tụng hình sự* chưa quy định, cho nên trong một vài trường hợp có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động bào chữa tại phiên tòa với lý do người bào chữa không kịp chuẩn bị.

(2) Về quyền xem biên bản hoạt động tố tụng của người bào chữa. Tại điểm đ khoản 1 Điều 73 *Bộ luật Tố tụng hình sự* quy định người bào chữa có quyền “Xem biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình, quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa”. Như vậy, người bào chữa chỉ được xem biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của người đó. Trên thực tế, nếu người bào chữa vắng mặt vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì sẽ không được xem biên bản các hoạt động đó của chủ thể tiến hành tố tụng. Đây là một điểm bất hợp lý và làm giảm điều kiện, chất lượng thực hiện quyền bào chữa của người bào chữa.

(3) Quy định về vấn đề tranh tụng của người bào chữa tại tòa. *Bộ luật Tố tụng hình*

sự quy định chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không có liên quan đến vụ án (khoản 3 Điều 322 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015). Bên cạnh đó, tại khoản 2 Điều 322 *Bộ luật Tố tụng hình sự*, nếu kiểm sát viên không đáp lại thì cũng không có cơ chế nào buộc họ phải tranh luận đến cùng. Chất lượng và kết quả tranh tụng do vậy bị hạn chế và chưa hình thành được cơ chế và khuôn khổ pháp lý cho việc bảo đảm phán quyết của Tòa án phải xuất phát từ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

(4) Quy định về sự có mặt của bị cáo. Điều 290 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 quy định Tòa án chỉ có thể xét xử vắng mặt bị cáo trong các trường hợp bị cáo trốn và việc truy nã không có kết quả. Việc bị cáo có mặt tại phiên tòa xét xử đối chứng và tranh luận để làm rõ sự thật khách quan của vụ án cũng là để bào chữa cho mình. Việc quy định Tòa án xét xử vắng mặt bị cáo làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền của bị cáo... Trong trường hợp bị cáo vắng mặt nhưng Tòa án vẫn tiến hành xét xử ngoài việc ảnh hưởng đến quyền bào chữa mà còn giới hạn quyền kháng cáo của họ, đặc biệt là các trường hợp hình phạt dành cho họ từ 20 năm tù trở lên hoặc cao nhất là tử hình thì sự vắng mặt của bị cáo sẽ dẫn đến không có sự kháng cáo, vì vậy, bản án dành cho họ sẽ có hiệu lực pháp luật và sẽ thực thi khi ngay sau khi họ bị bắt giữ. Xét trên một khía cạnh nào đó thì đây là hậu quả cho việc họ trốn truy nã hoặc không thể triệu tập đến tòa nhưng xét trên khía cạnh bảo đảm quyền của bị cáo thì quy định này đã làm hạn chế các quyền đó.

(5) Quy định về quyền của bị cáo. *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 chưa có quy định để trao quyền được tư vấn và giải thích pháp luật cho bị cáo trong quá trình xét xử. Đối với các bị cáo tự thực hiện chức năng bào chữa thì việc được biết và hiểu rõ quyền lợi của mình sẽ giúp cáo tự tin hơn và giúp ích cho việc thực hiện chức năng tự bào chữa của mình. Theo nguyên tắc trong tố tụng thì việc

chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng, người bị buộc không buộc phải chứng minh mình vô tội. Do đó, theo nhóm tác giả, việc bị cáo im lặng cũng là đang thực hiện quyền bào chữa của họ. Khoản 3 Điều 466 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 lại quy định người bị buộc tội có thể bị xử lý về hành vi từ chối khai báo hoặc từ chối cung cấp tài liệu, đồ vật. Quy định này mâu thuẫn với quyền không bị buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội.

4. Một số giải pháp

Thứ nhất, từ phía người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng.

(1) Đổi mới hoạt động đào tạo nghề nghiệp cho thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư thông qua việc xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng bồi dưỡng nghiệp vụ, thường xuyên thực hiện các chương trình bồi dưỡng, tập huấn theo chuyên đề thực tế; đồng thời, tăng cường công tác giám sát và kỷ luật nghiêm những trường hợp vi phạm.

(2) Hoàn thiện *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Luật sư* và các quy tắc đạo đức nghề nghiệp để thẩm phán, kiểm sát viên và luật sư làm căn cứ cho sự hoạt động của mình, đồng thời có cơ chế và chế tài xử lý vi phạm trong hoạt động nghề nghiệp.

(3) Đổi mới cơ chế bổ nhiệm, sử dụng thẩm phán và mở rộng nguồn thẩm phán. Hoàn thiện cơ sở pháp luật, đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là Tòa án nhằm bảo đảm sự độc lập của thẩm phán và Hội thẩm nhân dân.

Thứ hai, các quy định của pháp luật.

(1) Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm thông báo cho người bào chữa. Theo đó, cần có những sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 79 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 như sau: “Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải báo cho người bào chữa trước 24 giờ, trường hợp người bào chữa ở xa báo trước 48 giờ về thời gian, địa điểm tiến hành hoạt

động tố tụng mà họ có quyền tham gia theo quy định của *Bộ luật* này”.

(2) Cần bổ sung quyền được xem biên bản các hoạt động tố tụng của người bào chữa tại điểm đ khoản 1 Điều 73 *Bộ luật Tố tụng hình sự* như sau: “Xem biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình, quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa và những biên bản về hoạt động tố tụng lẽ ra phải có sự tham gia của mình nhưng vì lý do chính đáng mà không thể tham gia”.

(3) Hoàn thiện quy định về nguyên tắc tranh tụng. Cần nên mở rộng quyền được trình bày ý kiến của bị cáo và người bào chữa cho họ; đồng thời, quy định cụ thể những trường hợp mà chủ tọa được quyền cất ý kiến và trường hợp nào thì không được cất nhằm bảo đảm thực hiện nguyên tắc xét xử công khai, công bằng, minh bạch và tăng cường nguyên tắc tố tụng tranh tụng. Vì vậy, khoản 3 Điều 322 *Bộ luật Tố tụng hình sự* nên được sửa lại như sau: “Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến; chỉ được cất những ý kiến vòng vo, lặp lại và không có nội dung mới. Trong trường hợp nếu người bào chữa yêu cầu, chủ tọa phiên tòa có nghĩa vụ giải thích lý do bị cất đó”.

(4) Sửa đổi quy định xét xử vắng mặt bị cáo. Cần có những đánh giá và xem xét về trường hợp xét xử vắng mặt bị cáo. Vì vậy, nhóm tác giả kiến nghị Điều 290 *Bộ luật Tố tụng hình sự* nên sửa đổi như sau: “Trong trường hợp bị cáo trốn và việc truy nã không có kết quả hoặc bị cáo đang ở nước ngoài và không thể triệu tập đến phiên tòa thì cần tách trách nhiệm của bị cáo vắng mặt thành vụ án riêng sau khi có kết luận việc áp giải bị cáo không thể thực hiện”. Việc quy định này rất quan trọng trong việc bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo, nhất là các bị cáo bị tuyên phạt mức hình phạt cao thậm chí là tử hình như đã phân tích ở phần trên. Mặt khác, việc

bị cáo trốn không thể triệu tập đồng nghĩa với việc không thể thi hành hình phạt mà chỉ thi hành sau khi bắt giữ, do đó việc tách riêng vụ án để xét xử sau khi bắt giữ là hợp lý.

(5) Bổ sung nhằm mở rộng hơn quyền của bị cáo. Cụ thể, cần bổ sung quy định tại Điều 61 *Bộ luật Tố tụng hình sự* để cho phép bị cáo được quyền giải thích, tư vấn pháp luật và gặp người bào chữa trong hoạt động tố tụng nói chung và trước và trong khi tiến hành hoạt động xét xử. Mặt khác, bổ sung quy định quyền im lặng cho bị cáo. Một số ý kiến cho rằng, việc quy định quyền im lặng trong tố tụng hình sự sẽ gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, nhất là cơ quan điều tra trong việc lấy cung và đấu tranh với tội phạm. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử thì quyền này không gây cản trở nhiều trong việc phòng, chống tội phạm như ở giai đoạn điều tra. Trong xu hướng mở rộng nguyên tắc tranh tụng như hiện nay, việc bị cáo thực hiện im lặng hay không, họ sẽ tự nhận thức được lợi ích hoặc hậu quả của việc đưa ra ý kiến hoặc im lặng không đưa ra các ý kiến đối với họ. Vì vậy, việc quy định quyền im lặng là quyền của bị cáo trong Điều 61 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 là cần thiết, đặc biệt là trong giai đoạn xét xử □

Chú thích:

1. Nguyễn Thái Phúc. *Các chức năng của tố tụng hình sự và vấn đề hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay*. Bài tham luận tại Hội thảo khoa học “*Các chức năng của tố tụng hình sự trong bối cảnh cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay*”, Học viện Khoa học xã hội, 2015.

2. Viện Khoa học pháp lý. *Báo cáo kết quả dự án điều tra cơ bản về thực trạng bảo đảm thực hiện quyền bào chữa và quyền có người đại diện pháp lý của cá nhân ở Việt Nam*, 2016, tr. 71.

3. Nguyễn Trần Như Khuê. *Bảo đảm xét xử công bằng cho người bị buộc tội thông qua quy định quyền bào chữa của người bị buộc tội*. Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số chuyên đề 03/2020, tr. 46.

4. Võ Quốc Tuấn. *Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong hoạt động tranh luận tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 04 (4/2015), tr. 41.